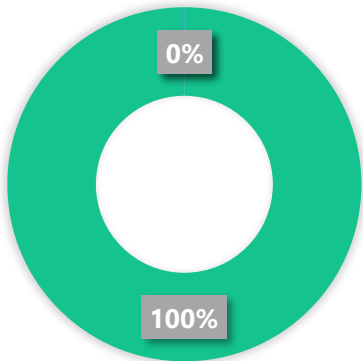


| Thông tin giao dịch     |  | 30/06/2025 |
|-------------------------|--|------------|
| Giá hiện tại (VNĐ)      |  | 20,100     |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ)  |  | 22,000     |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) |  | 11,420     |
| SL cổ phiếu LH          |  | 22,709,408 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP)   |  | 2,850      |
| % sở hữu nước ngoài     |  | 0.1%       |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)    |  |            |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)        |  | 456        |
| P/E                     |  | 13.3       |
| EPS                     |  | 1,509      |

|         | YTD   | 1T   | 3T    | 6T    |
|---------|-------|------|-------|-------|
| MAC     | 49.0% | 2.6% | 39.3% | 43.3% |
| VNINDEX | 8.4%  | 2.1% | 5.3%  | 8.0%  |

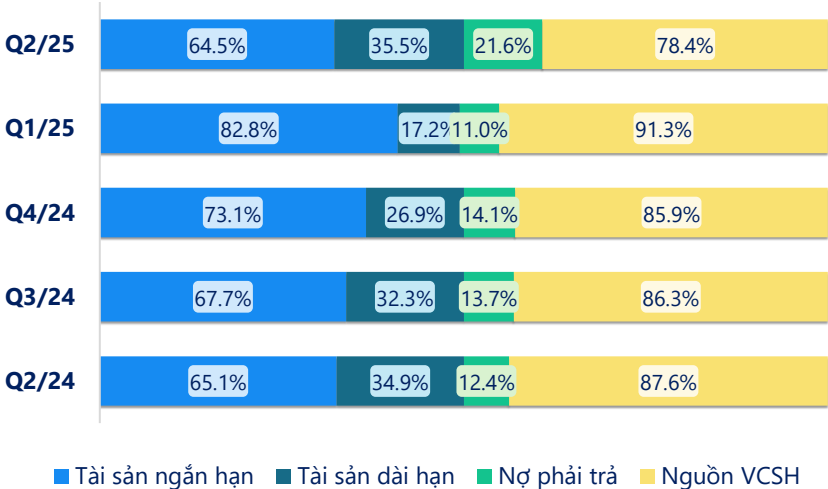
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

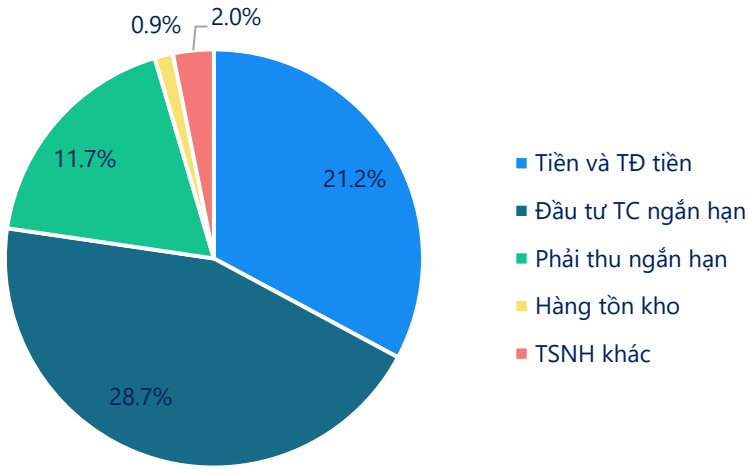
Cơ cấu Tổng tài sản



- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

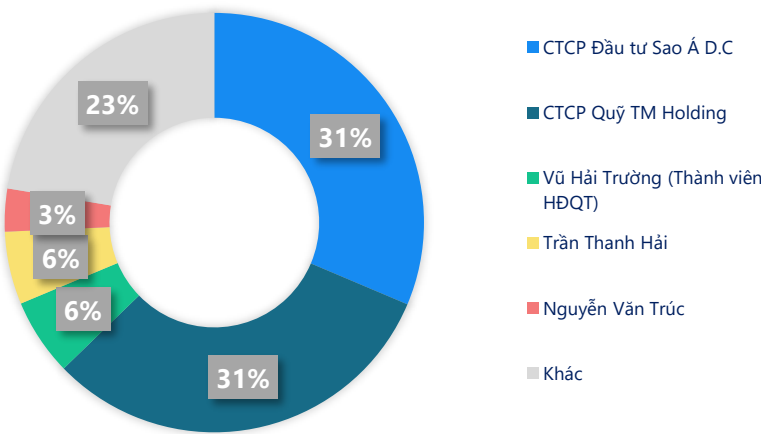
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

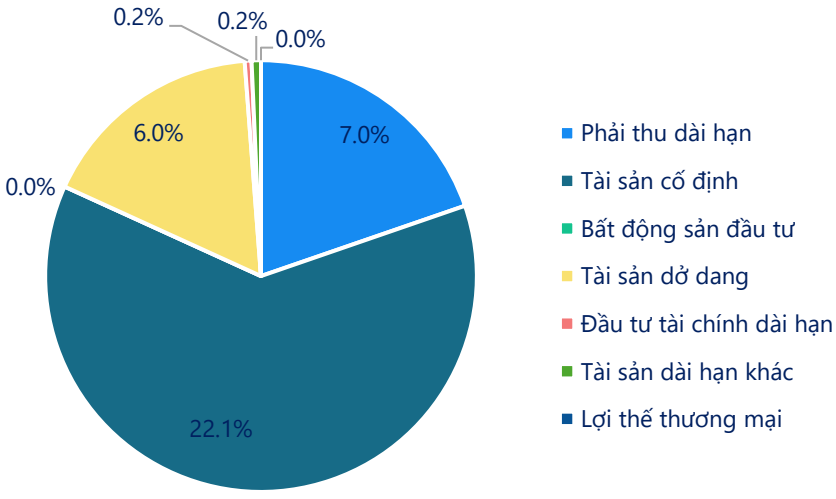
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Đầu tư Sao Á D.C
- CTCP Quỹ TM Holding
- Vũ Hải Trường (Thành viên HĐQT)
- Trần Thanh Hải
- Nguyễn Văn Trúc
- Khác

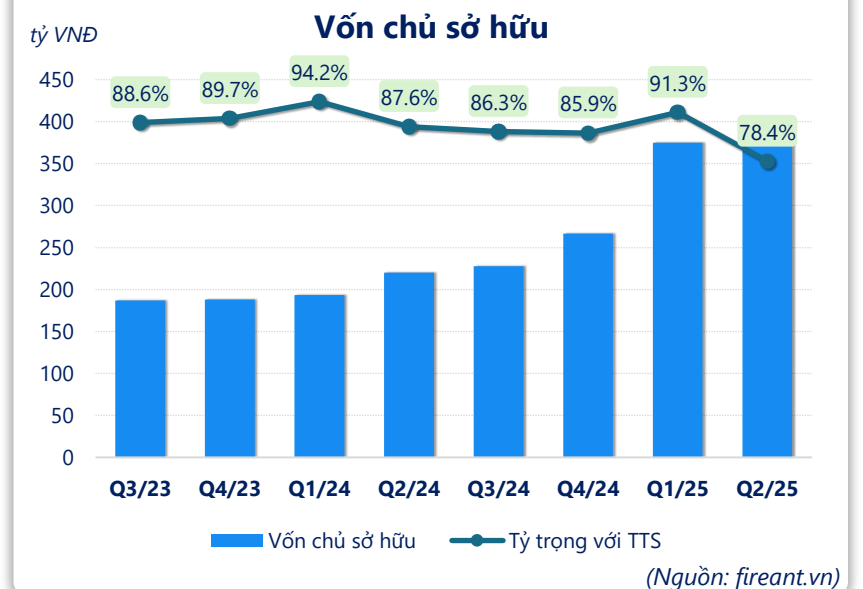
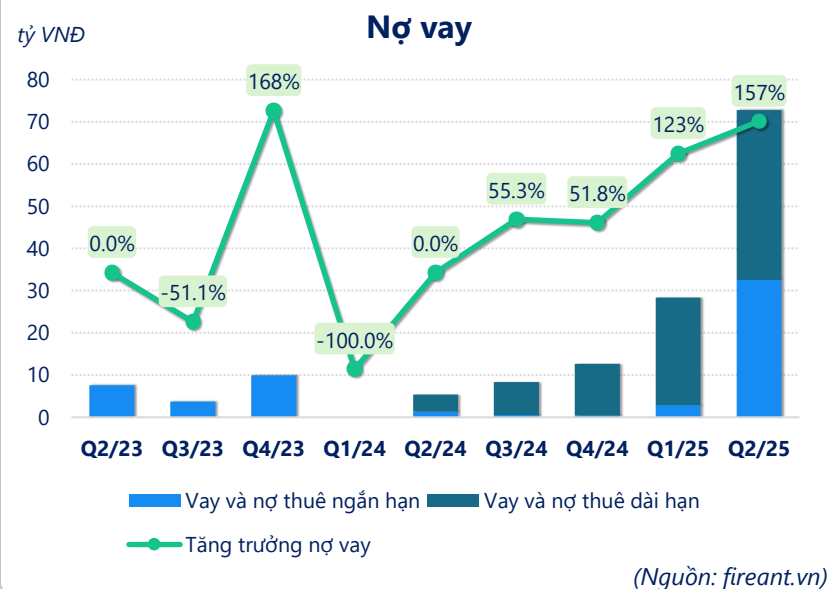
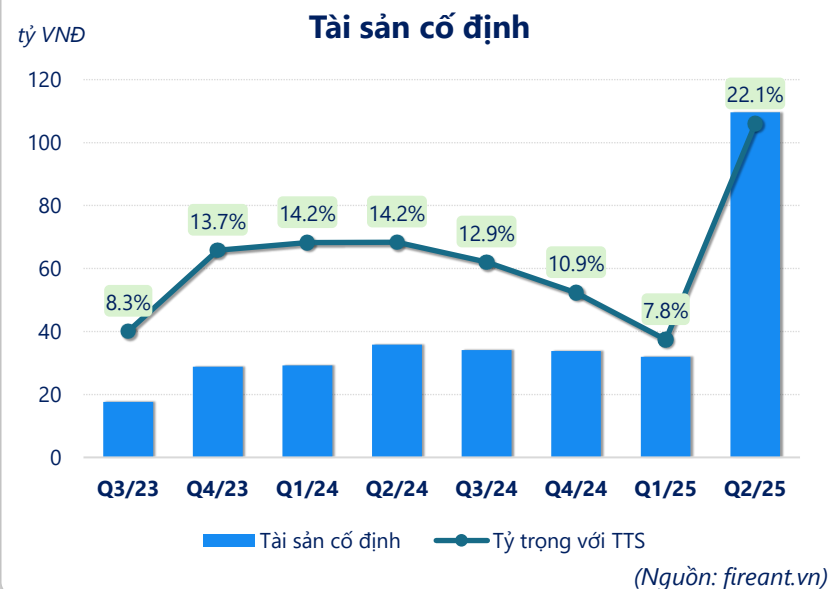
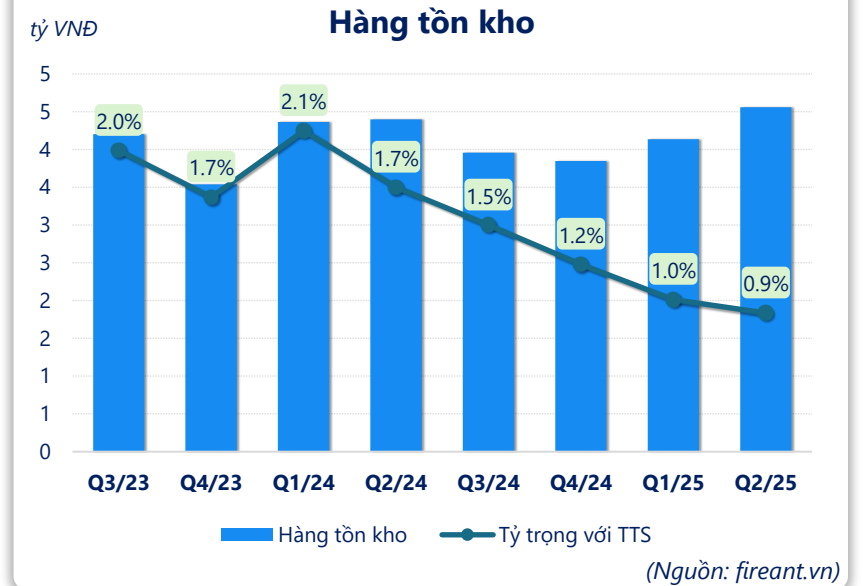
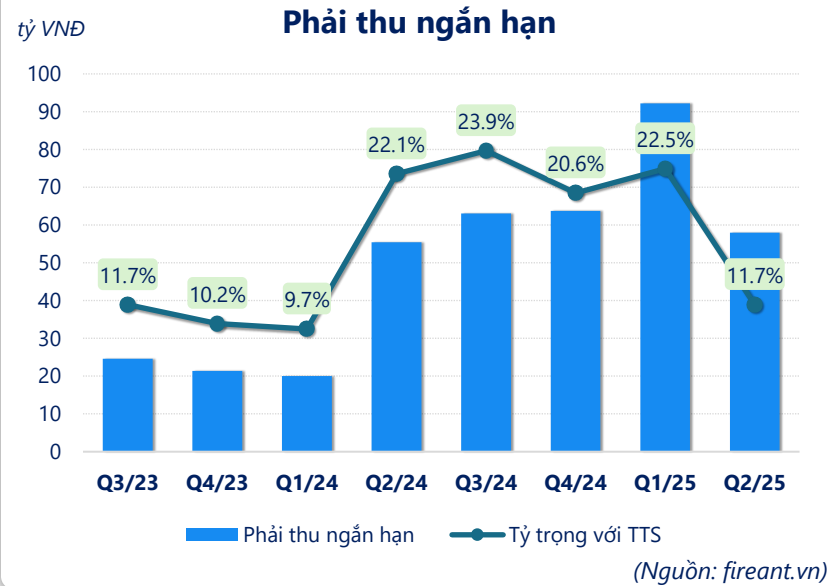
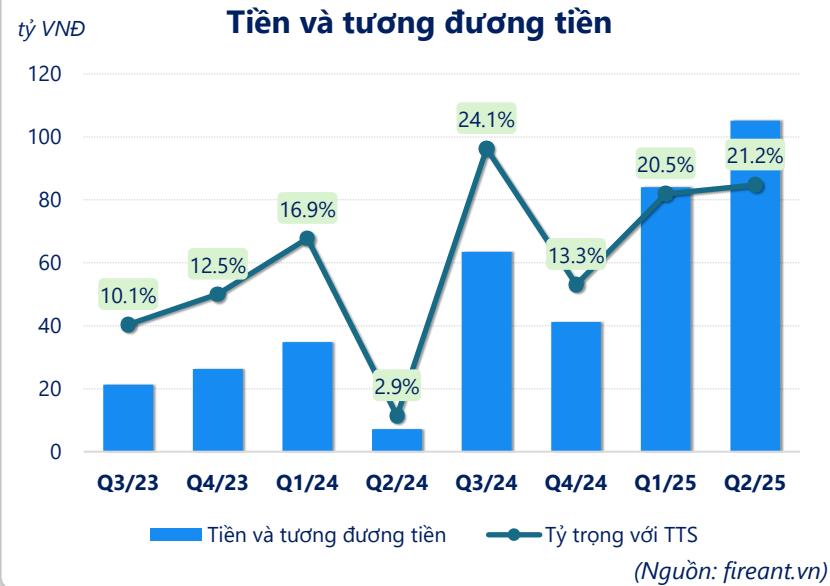
(Nguồn: fireant.vn)

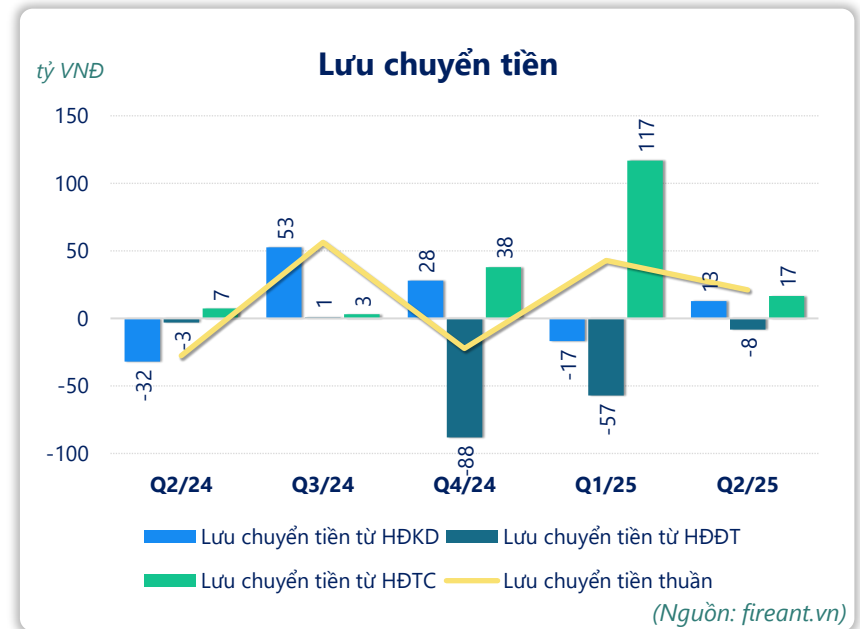
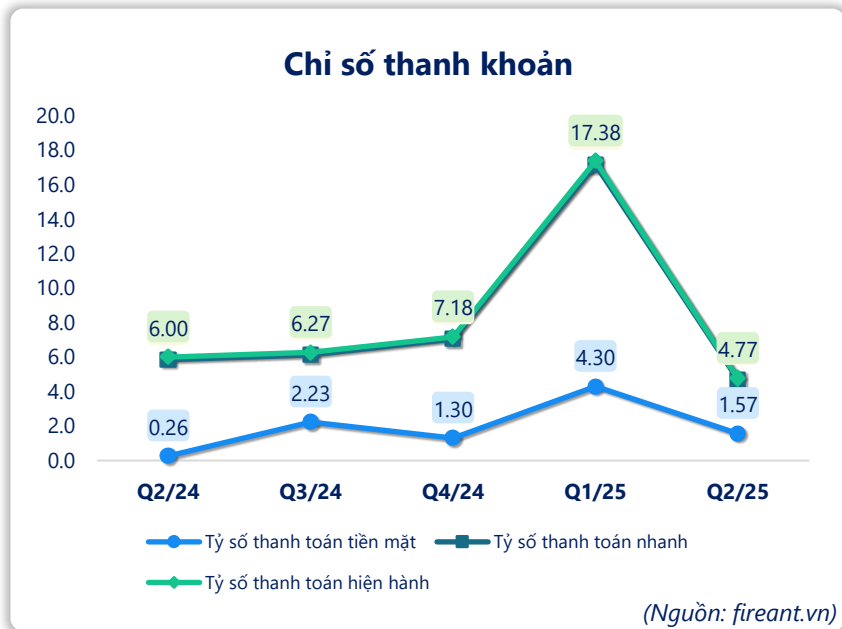
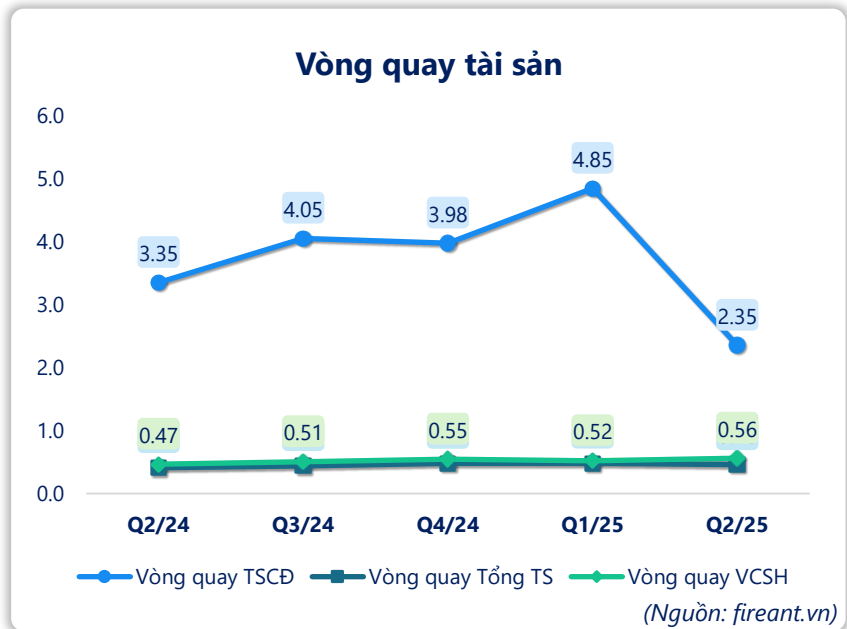
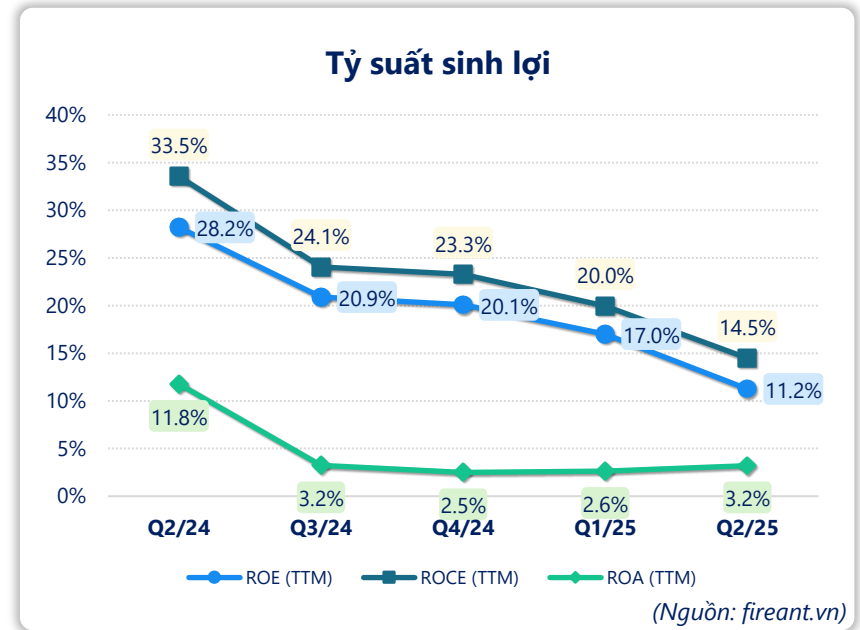
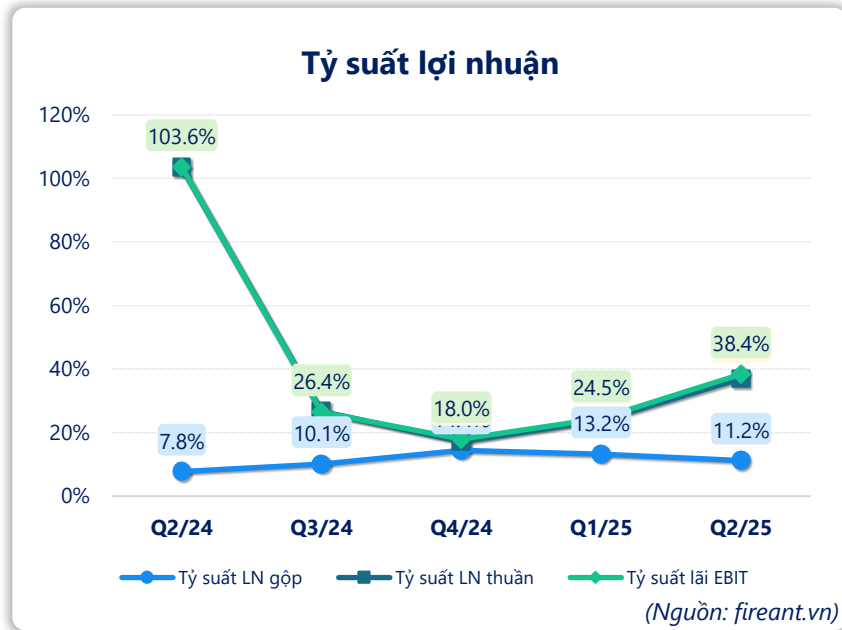
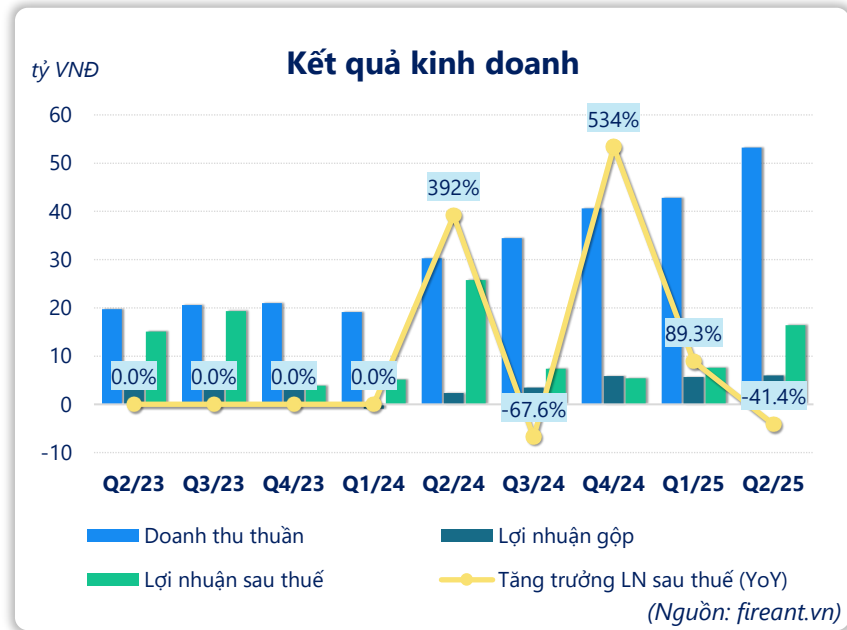
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)





| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN<br>(tỷ VNĐ) | Tại ngày 30/6/2025 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Thay đổi     |
|-----------------------------|--------------------|------------------------|--------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | <b>497</b>         | <b>310</b>             | <b>60.1%</b> |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>320</b>         | <b>227</b>             | <b>41.2%</b> |
| Tiền và tương đương tiền    | 105                | 41.2                   | 155%         |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 142                | 115                    | 23.4%        |
| Phải thu ngắn hạn           | 58.0               | 63.7                   | -9.0%        |
| Hàng tồn kho                | 4.56               | 3.85                   | 18.4%        |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 10.1               | 2.55                   | 295%         |
| <b>Tài sản dài hạn</b>      | <b>176</b>         | <b>83.6</b>            | <b>111%</b>  |
| Phải thu dài hạn            | 34.8               | 38.1                   | -8.7%        |
| Tài sản cố định             | 110                | 33.8                   | 224%         |
| Bất động sản đầu tư         | 0                  | 0                      |              |
| Tài sản dở dang             | 30.0               | 9.13                   | 229%         |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 0.90               | 1.20                   | -25.0%       |
| Tài sản dài hạn khác        | <b>1.24</b>        | <b>1.30</b>            | <b>-5.3%</b> |
| Lợi thế thương mại          | 0                  | 0                      |              |
| <b>Nợ phải trả</b>          | <b>107</b>         | <b>45.0</b>            | <b>138%</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>          | <b>67.1</b>        | <b>33.6</b>            | <b>99.6%</b> |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 32.6               | 1.29                   | 2422%        |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 17.9               | 9.52                   | 88.2%        |
| <b>Nợ dài hạn</b>           | <b>40.2</b>        | <b>11.4</b>            | <b>253%</b>  |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 40.2               | 11.4                   | 253%         |
| <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b> | <b>389</b>         | <b>265</b>             | <b>46.8%</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>       | <b>389</b>         | <b>265</b>             | <b>46.8%</b> |
| Vốn điều lệ                 | 227                | 151                    | 50.0%        |
| <b>Kinh phí và quỹ khác</b> | <b>0</b>           | <b>0</b>               |              |

(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | 30.3  | 34.4  | 40.6  | 42.8  | 53.2  |
| Giá vốn hàng bán               | 27.9  | 31.0  | 34.8  | 37.2  | 47.2  |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | 2.35  | 3.49  | 5.87  | 5.66  | 5.98  |
| Doanh thu HĐTC                 | 36.4  | 10.6  | 5.28  | 9.84  | 23.4  |
| Chi phí TC                     | 3.94  | 0.37  | -2.42 | 0.53  | 3.70  |
| <b>Chi phí lãi vay</b>         | 0.08  | 0.09  | 0.24  | 0.34  | 0.75  |
| LN trong công ty LKLD          | 0     | 0     | 0     | 0     | 0     |
| Chi phí bán hàng               | 0.03  | 0.03  | 0.06  | 0.04  | 0.01  |
| Chi phí QLDN                   | 3.41  | 4.45  | 6.52  | 4.71  | 5.99  |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>        | 31.3  | 9.20  | 6.98  | 10.2  | 19.7  |
| Lợi nhuận khác                 | -0.03 | -0.20 | 0.09  | -0.05 | -0.02 |
| <b>LN trước thuế</b>           | 31.3  | 9.00  | 7.06  | 10.2  | 19.7  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | 25.8  | 7.41  | 5.41  | 7.59  | 16.4  |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b>      | 26.1  | 7.66  | 6.49  | 8.09  | 12.0  |

(Nguồn: fireant.vn)

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ<br>(tỷ VNĐ) | Q2/24        | Q3/24       | Q4/24        | Q1/25       | Q2/25       |
|--------------------------------|--------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD        | -31.9        | 52.5        | 28.0         | -16.8       | 12.9        |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT        | -3.05        | 0.80        | -88.1        | -57.1       | -8.28       |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC        | 7.36         | 2.98        | 37.9         | 117         | 16.6        |
| Tiền đầu kỳ                    | 34.8         | 7.17        | 63.5         | 41.2        | 84.0        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần</b>   | <b>-27.6</b> | <b>56.3</b> | <b>-22.3</b> | <b>42.8</b> | <b>21.1</b> |
| Ảnh hưởng tỷ giá               | 0.00         | 0           | 0            | 0           | 0           |
| Tiền cuối kỳ                   | 7.17         | 63.5        | 41.2         | 84.0        | 105         |

(Nguồn: fireant.vn)